

NHẬP CƯ Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trương Văn Tuấn *

TÓM TẮT

Nhập cư ở vùng Đông Nam Bộ trong những năm đầu của thế kỉ XXI diễn ra rất phức tạp và phổ biến. Hiện tượng này đã ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng buộc các nhà hoạch định chính sách, các nhà làm quy hoạch không thể không quan tâm đến chúng. Bài viết này sẽ phân tích những nét chính về hiện tượng nhập cư nói trên và ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển kinh tế, xã hội trong những năm đầu của thập kỉ XXI ở vùng Đông Nam Bộ.

ABSTRACT

Immigration into the South-East Vietnam at the beginning years of the 21st century and its impacts on economic and social development

The immigration into the South-East Vietnam at the beginning years of the 21st century occurred complicatedly and popularly. This phenomenon impacted so strongly and directly on the region's economic and social development that the policy makers and planners could not ignore it. This article is about some main points of this phenomenon and its influences on the South-East area's economic and social development in this time.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm đầu của thế kỉ XXI, vùng Đông Nam Bộ (ĐNB - gồm các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Ninh Thuận, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh) đã mọc lên hàng loạt các xí nghiệp công nghiệp, các khu chế xuất, các khu công nghiệp, kéo theo là hiện tượng nhập cư của dân từ các nơi khác đến. Hiện tượng nhập cư lớn trong thời gian dài đã trực tiếp tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội, làm nảy sinh nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội ở vùng đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách, những người làm qui hoạch không thể không quan tâm đến chúng.

* ThS - Khoa Địa lý, Trường ĐHSB TP HCM

Nhập cư là hiện tượng dân số tăng cơ học nhờ dân di chuyển đến khu vực mới, một đơn vị hành chính mới; dân cư mới đến được gọi là dân nhập cư. Để tiện lợi trong khi tính toán, Gary I. Peters, P. [2] đưa ra khái niệm tỉ lệ nhập cư (in-migration). Nhập cư được biểu thị bằng các trị số: $(I/P) \cdot k$, trong đó I là số lượng dân cư chuyển đến; P là dân số trung bình của vùng; k là hằng số, thường là 100 hoặc là 1.000. Tất cả những người thay đổi nơi cư trú có tính chất lâu dài được gọi là dân nhập cư hoặc dân xuất cư tùy theo nơi đi và nơi đến.

Số lượng và chất lượng dân di cư phụ thuộc vào nhiều nhân tố thuộc 2 nhóm: nhóm các nhân tố về điều kiện tự nhiên và nhóm các nhân tố về kinh tế - xã hội. Sự chênh lệch những điều kiện nói trên giữa nơi đi và nơi đến quyết định quy mô và chất lượng dân di cư, trong đó các nhân tố mang ý nghĩa quyết định thuộc về nhóm các nhân tố kinh tế - xã hội và hai nhân tố **thu nhập và việc làm** là hai nhân tố hàng đầu thúc đẩy di cư nói chung và nhập cư nói riêng. Nơi có thu nhập cao, việc làm nhiều và thuận lợi – nơi có hội tụ cao về mức sống - sẽ là nơi có tỷ suất nhập cư lớn hơn, chất lượng dân nhập cư cao.

Vùng ĐNB là nơi tập trung nhiều thành phố và khu công nghiệp đóng vai trò hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Khu vực này có nhiều điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội rất thuận lợi. Là nơi có thể tóm lược về những lợi thế như sau: vị trí địa lý thuận lợi hàng đầu; đất đai màu mỡ, đa dạng, dễ khai thác; khí hậu ôn hòa, địa hình bằng phẳng, tài nguyên thiên nhiên khá phong phú..., là nơi tập trung nhiều dân tộc với nhiều tôn giáo sinh sống, có bề dày lịch sử văn hóa... và đặc biệt là vùng có lợi thế lớn về nhân lực, về tính năng động, về tốc độ phát triển kinh tế. Với những lợi thế đặc biệt đó, vùng ĐNB là nơi có hiện tượng nhập cư với quy mô lớn suốt thời gian dài, nguồn nhập cư rộng rãi và chất lượng dân nhập cư cao. Hiện tượng nhập cư trên đã góp phần đưa tốc độ phát triển kinh tế ở vùng luôn ở mức cao; đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội cần quan tâm giải quyết. Vì những đặc điểm và ý nghĩa đó, nghiên cứu hiện tượng nhập cư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hoạch định những chính sách phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Trong khuôn khổ của bài báo này, tôi xin đề cập một số nội dung cơ bản với mong muốn phác thảo được những nét chính về hiện tượng nhập cư và những tác động cơ bản của chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng, với mục đích nhấn mạnh thêm tính chất quan trọng và để có sự quan tâm đúng mức vấn đề này trong thời kỳ hội nhập và phát triển ở một khu vực năng động nhất nước ta.

2. Nội dung chính

2.1. Sơ lược về lịch sử nhập cư của vùng

– ĐNB được coi là vùng đất mới ở nước ta. Trước 1954, đây là vùng “đất rộng người thưa” nhưng có nhiều điều kiện tự nhiên rất thuận lợi, dễ làm ăn sinh sống, vì thế dân cư từ rất nhiều nơi đã đến lập nghiệp trong suốt cả lịch sử của vùng, trong đó chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc vào.

– Thời kỳ 1954 – 1975: Ngay sau hòa bình lập lại (sau 1954) nhờ những ưu thế về các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, do ảnh hưởng của chiến tranh, hiện tượng nhập cư ở vùng tăng đột biến, trong đó quy mô lớn nhất là “cuộc di cư vào Nam năm 1954”.

– Từ sau 1954 – 1975: Hiện tượng nhập cư vào vùng ĐNB tuy có giảm xuống (nhất là các luồng di cư từ miền Bắc vào) do ảnh hưởng của chiến tranh, nhưng so với các vùng khác thì tỷ suất nhập cư của vùng vẫn rất lớn.

– Từ năm 1975 – 1986 (thời kỳ sau chiến tranh và trước đổi mới): Hiện tượng nhập cư ở vùng lại tăng cao nhờ di cư tự do và đặc biệt là nhờ chính sách khuyến khích của Chính phủ mà điển hình là cuộc vận động đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

– Từ 1986 – 1999 (thời kỳ đầu sau đổi mới): Với những điều kiện thuận lợi về tự nhiên và các chủ trương phát triển kinh tế của Chính phủ, những chính sách về dân số và xã hội thông thoáng của các tỉnh trong vùng, đặc biệt là quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng, vùng ĐNB có hiện tượng nhập cư lớn nhất trong cả nước. Số người nhập cư của vùng chỉ riêng những năm 1994 - 1999 là 921.605 người, tương đương với tỷ suất nhập cư là 80,2% so với cả nước là 28,98%. [5]

Hiện tượng nhập cư lớn của vùng trong giai đoạn này là kết quả của các luồng chuyển cư: (1) Nông thôn - Thành thị; (2) Nông thôn - Nông thôn (từ những nơi nông thôn có việc làm ít hơn, mức sống thấp đến những nơi có nhiều việc làm hơn, có thu nhập cao hơn và có mức sống cao hơn); (3) Từ khắp nơi về các khu công nghiệp.

2.2. Nhập cư của vùng Đông Nam Bộ trong những năm đầu của thế kỷ XXI

Bối cảnh chính của vùng cũng như của cả nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI là *quá trình hội nhập, phát triển và đô thị hóa diễn ra nhanh trên diện rộng*.

Trong bối cảnh chung đó, vùng có những lợi thế vượt trội hơn cả: là khu vực năng động trong hội nhập, thông thoáng trong các chính sách dân số và phát triển kinh tế; là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, rộng - tỷ lệ đô thị hóa của vùng là 56,3% (so với cả nước là 25%). Sự ra đời của hàng loạt các khu chế xuất, các trung tâm công nghiệp đã tạo ra một nhu cầu rất lớn về lực lượng lao động. Đây là động lực chính tạo ra hiện tượng nhập cư rất lớn với những đặc điểm riêng biệt về dân nhập cư trong những năm đầu của thế kỷ XXI của vùng.

Bảng số liệu dưới đây cho thấy, trong những năm đầu của thế kỷ XXI, tỷ suất nhập cư của vùng gấp gần 3 lần so với tỷ suất chung của cả nước, luôn luôn cao nhất so với tất cả các vùng khác và có xu hướng ngày càng tăng.

Tỷ suất nhập cư của vùng ĐNB so với các vùng khác

Đơn vị %

Vùng	Các năm					
	5 năm trước 1999	2001	2002	2003	2004	2005
Toàn quốc		3.82	2.55	2.79	3,4	4,0
Đ. B. sông Hồng	18,92	4.04	1.48	2.15	2,5	2,5
Đông Bắc	13,42	2.54	2.14	1.28	1,8	1,9
Tây Bắc	12,83	2.78	1.70	1.47	1,9	2,1
Bắc Trung Bộ	7,11	3.09	1.11	1.26	2,2	1,9
D.H. N.T. Bộ	19,06	5.78	1.01	2.43	1,8	1,7
Tây Nguyên	94,67	5.70	3.39	4.34	4,7	6,5
Đông Nam Bộ	80,20	8.05	8.82	8.72	10,3	13,5
Đ.B. S.C.Long	16,39	1.60	0.56	0.56	0,8	1,1

Nguồn: Tổng cục thống kê

Số liệu thống kê mới nhất năm 2008 cho thấy số người nhập cư vào vùng ĐNB là 225.299 người với tỷ suất nhập cư là 14,82% so với toàn quốc là 5,97%. [7]

Về nguồn nhập cư: Kết quả điều tra hàng năm về biến động dân số của Tổng cục Thống kê trong những năm đầu của thế kỷ XXI cho thấy, khác với các vùng khác, dân nhập cư vào vùng ĐNB có nguồn gốc từ nhiều tỉnh, nhiều vùng khác nhau mà không có khu vực nào chiếm ưu thế (ví dụ phân bố phần trăm những người chuyển đến vùng trong năm 2004: từ Đồng bằng sông Hồng: 17,15%; khu Đông Bắc: 5,2%; Tây Bắc: 0,3%; Bắc Trung Bộ: 2,26%; Duyên hải Nam Trung bộ:

18,15%; Tây Nguyên: 3,4%; Đồng bằng sông Cửu Long: 22,9%; nước ngoài: 0,7%;). [6]

Đặc điểm nổi bật của hiện tượng nhập cư và dân nhập cư của vùng phù hợp với đặc điểm và quá trình phát triển kinh tế hiện nay là:

– Nhập cư tạm thời (bao gồm nhập cư lao động, nhập cư học tập, nhập cư thời vụ), dân nhập cư đến vùng trong thời gian ngắn với ý định học tập, tìm kiếm việc làm và cải thiện thu nhập;

– Chất lượng dân nhập cư không cao, hầu hết những người nhập cư tạm thời đều là những người lao động phổ thông có tay nghề không cao từ những địa phương nghèo, từ nông thôn ở các tỉnh ngoài vùng khác đến;

– Những người nhập cư thường có độ tuổi trung bình còn rất trẻ (theo số liệu thống kê năm 2008, số người nhập cư vào ĐNB có tuổi từ 15 đến 29 chiếm trên 60% dân nhập cư);

– Nữ giới nhập cư vào vùng thường chiếm tỉ lệ cao hơn nam giới (theo điều tra di cư năm 2004, chỉ có 65 nam/100 nữ di cư);

– Dân nhập cư vào vùng có khả năng thích nghi cao, năng động, có sức khỏe tốt;

– Mức độ tham gia lao động cao, nhất là loại hình kinh tế có đầu tư nước ngoài và kinh tế hỗn hợp.

2.3. Một số tác động chính của nhập cư đến sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng

Di cư nói chung và nhập cư nói riêng liên quan chặt chẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Theo hai cuộc khảo sát về mức sống dân cư Việt Nam của Tổng cục Thống kê năm 1992 – 1993 và 1997 – 1998, dân sinh ra tại vùng ĐNB chỉ chiếm 34,65% (năm 1992 – 1993) và 42,12% (năm 1997 – 1998), như vậy số người còn lại trong vùng là dân nhập cư, vì thế hiện tượng nhập cư ở ĐNB đã trực tiếp tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Những tác động đó có cả tích cực lẫn tiêu cực.

2.3.1. Những tác động tích cực

– Là nguồn cung cấp lao động rất quan trọng của vùng. Nhập cư với số lượng lớn đã tạo ra nguồn cung cấp lao động đủ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã

hội của vùng. (Nhập cư làm cho dân số vùng tăng lên khoảng 131.000 người năm 2005; 166.000 người năm 2006; 189.000 người năm 2007).[11]

– Nhập cư đã kích thích phát triển kinh tế bằng cách tạo ra sự hội tụ dân cư. Bằng cách quy tụ tài năng và tay nghề, nhập cư **quyết định** tác động lan tỏa của sự tích tụ. Nhập cư đã đóng góp cho sự tăng trưởng tổng thể bằng cách cải thiện sự phân chia lao động và định hướng cho sự tập trung hóa. (Nhiều nghiên cứu thực nghiệm trong vùng cho thấy, mật độ dân cư và mật độ kinh tế thường tương đồng nhau và thường tương thích tạo nên động lực cho sự phát triển.) [3]

– Dân nhập cư vào vùng ĐNB có nguồn gốc từ nhiều tỉnh, nhiều vùng khác nhau mang theo những ngành nghề truyền thống khác nhau đã góp phần làm đa dạng nền kinh tế và văn hoá của vùng.

– Nhập cư là nguồn đóng góp chính cho đô thị hoá, là cơ sở, động lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động ở vùng.

– Hình thành phong cách sống năng động, tích cực nhất so với cả nước.

2.3.2. Những tác động tiêu cực

– Làm nhanh chóng tăng quy mô dân số tạo ra một số sức ép về dân số rất lớn. (Theo kết quả của tổng điều tra năm 1999 và điều tra di cư năm 2004, người nhập cư đã đóng góp trên 1% cho mức tăng dân số của vùng.)

– Làm tăng số người thất nghiệp và bán thất nghiệp. (Tỉ lệ người thất nghiệp các năm của lao động ở các khu vực đô thị ĐNB phân theo địa phương là: năm 2003: 6,08%; năm 2004: 5,92%; năm 2005: 5,42%; năm 2006: 5,47%; năm 2007: 4,38%) [8]. Nhập cư lao động sẽ kèm theo những người không hoạt động kinh tế, tạo ra sự chênh lệch giữa cung và cầu về lao động. Vì thế những người thất nghiệp hoặc bán thất nghiệp thường xuyên tồn tại ở vùng.

– Tạo áp lực về cơ sở hạ tầng, về giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

– Gây sự cạnh tranh với lao động tại chỗ làm hạ thấp giá trị lao động.

– Gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái.

3. Kết luận

Nghiên cứu nhập cư ở ĐNB trong những năm đầu của thế kỷ XXI cho phép rút ra những kết luận sau:

– Nhập cư lớn trong thời gian dài ở vùng ĐNB là quá trình tất yếu của sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội; của lợi thế về những điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, trong đó các chính sách về dân số và phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định.

– Các chủ trương, chính sách về dân số và phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định số lượng và chất lượng dân nhập cư ở vùng. Các chính sách thông thoáng, phù hợp sẽ thu hút được một lực lượng lao động lớn với chất lượng cao có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế của vùng.

– Với số lượng nhập cư lớn trong một thời gian dài, hiện tượng nhập cư đã tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng với cả hai mặt tích cực và tiêu cực.

Muốn đạt hiệu quả cao trong việc thu hút và sử dụng lao động nhập cư, chúng ta cần phải đặc biệt quan tâm đến các vấn đề sau:

– Làm tốt công tác dự báo cả dài và ngắn hạn hiện tượng nhập cư của vùng để có kế hoạch khai thác, sử dụng nguồn lao động nhập cư theo hoạch định.

– Có những chính sách, biện pháp cụ thể cho từng đối tượng nhập cư, có những giúp đỡ cụ thể cho từng đối tượng nhằm khuyến khích hoặc hạn chế nhập cư vào vùng.

– Qui hoạch và phát triển một số ngành nhằm khai thác lực lượng lao động nhập cư theo lao động chính để giảm lao động dư thừa và làm đa dạng hóa nền kinh tế trong vùng.

Các nhà hoạch định chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội cần phải lồng ghép di cư vào trong quá trình làm quy hoạch. Tác động đến hiện tượng nhập cư phải quán triệt quan điểm mà các chuyên gia của ngân hàng thế giới đã khuyến cáo: *“Thay vì cố gắng chống lại sức hút của tính kinh tế nhờ tích tụ đối với dân di cư, chính quyền nên cố gắng xóa bỏ những nhân tố đang xô đẩy người dân di cư. Làm như thế sẽ cải thiện được chất lượng di cư và khuyến khích tăng trưởng kinh tế”*. Vì *“Sự di chuyển lao động do các nguyên nhân kinh tế dẫn tới sự tập trung lớn hơn con người và tài năng vào những địa điểm lựa chọn và tăng thêm lợi ích nhờ tích tụ nhiều hơn là chi phí do tắc nghẽn”*. [3]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang (từ năm 2000 đến 2008), *Niên giám thống kê*.
- [2] Gary I. Peters, P., *Popylation Geography, Problem, Conseptis*.
- [3] Ngân hàng Thế giới (2008), *Báo cáo phát triển thế giới 2009. Tái định dạng Địa Kinh Tế*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Tài (1998), *Di dân tự do nông thôn - thành thị ở TP Hồ Chí Minh*, NXB Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh.
- [5] *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999* (2000), NXB Thế giới, Hà Nội.
- [6] Tổng cục Thống kê – Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, *Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: Những kết quả chủ yếu*, NXB Thống kê.
- [7] Tổng cục Thống kê (2008), *Niên giám thống kê 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008*, NXB Thống kê.
- [8] Tổng cục Thống kê (2006), *Quy dân số Liên hợp quốc - Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [9] Tổng cục Thống kê (2005), *Quy dân số Liên hợp quốc - Điều tra di cư năm 2004: Những kết quả chủ yếu*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [10] Tổng cục Thống kê (2006), *Quy dân số Liên hợp quốc - Điều tra di cư năm 2004: Di dân và sức khỏe*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [11] Xử lý từ số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2007.